| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MÊ LINH**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 169/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2025
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Định;
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hà và bà Ngô Minh Thủy
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mê Linh;
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình và không công nhận quan hệ cha con*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T,** sinh năm 1989;
Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn V, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.
**- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1986;
Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn V, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

*Tại phiên tòa, anh T và chị T1 đều có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T1 đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/11/2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trước khi cưới hai vợ chồng có được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép gì. Cưới xong vợ chồng ở chung với gia đình nhà anh ngay. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T1 không quan tâm đến gia đình và các con; chị T1 lừa anh khi có con với người khác trước khi cưới do chị T1 có thai và nói với anh là anh có thai với chị T1, nếu không cưới chị ấy sẽ đi phá thai. Chị T1 đã về nhà ngoại từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh xin ly hôn với chị T1

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/9/2017. Hiện nay cháu N và cháu T2 đang ở với anh. Ly hôn:

Quan điểm của anh T: Sau khi tòa án hoà giải và giải thích quyền nghĩa vụ của các bên khi tham gia tố tụng, anh xin được nuôi cháu N và cháu T2 và sau khi tòa án hỏi ý kiến các cháu xem có nguyện vọng muốn ở với ai, thì cháu N có nguyện vọng ở với anh, cháu T2 có nguyện vọng ở với mẹ. Nay anh xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi, dù cháu T2 muốn ở với mẹ nhưng vì cháu T2 còn nhỏ chưa nhận thức được đầy đủ nên anh vẫn muốn nuôi cháu T2; mặt khác anh không muốn con của anh ở chung với cháu Đ là con đẻ người khác, nay thi thoảng cuối tuần chị T1 có đón các con về chơi, nhưng chị hay đưa các cháu đi hầu đồng ở các nơi gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của các cháu. Về điều kiện nuôi con chung: Hiện nay tôi đang làm tại  ty TNHH mại M3; có địa chỉ tại: Thôn A, xã L, huyện T, Hà Nội, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng hơn 20.000.000 đồng. Vì làm tự do nên anh không có bảng lương và hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay anh đang ở trên ngôi nhà của bố mẹ đẻ anh, bố mẹ anh đều đã chết và để lại cho anh toàn bộ đất và nhà. Nay anh không yêu cầu chị T1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

- Về con riêng: Anh T xác nhận chị T1 có 01 con riêng là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014.

Vừa qua vợ chồng đã nhận được Kết quả giám định ADN số: 6012/VCJ/25/ADN ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Công ty P cùng toàn bộ hồ sơ giám định theo quy định của pháp luật đối với cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014.

Sau khi được công khai chứng cứ anh nhất trí kết quả giám định kết luận: Anh Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014 không có quan hệ huyết thống cha – con. Như vậy cháu Đ không phải là con chung của hai vợ chồng mà là con riêng của chị T1 và đề nghị Tòa án tuyên không công nhận quan hệ cha con đối với cháu Đ, cháu Đ không phải là con chung của anh và chị T1;

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày*:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian chung sống là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi làm hay ngoại tình bên ngoài, anh T không quan tâm đến mẹ con chị, không đưa cho chị đồng nào để lo cho sinh hoạt cuộc sống gia đình, sau khi cưới hơn năm thì mâu thuẫn không như anh T trình bày. Đến ngày 11/7/2018 gia đình anh T đánh đập chị và gọi người nhà đến đưa chị về nhà bố mẹ đẻ chị. Vợ chồng ly thân nhau từ ngày đó cho đến nay, trước đó chị về nhà anh T xin anh T và gia đình nhiều lần để về chăm các con nhưng anh T và gia đình anh T không chấp nhận. Anh T cho rằng chị lừa dối anh T bắt anh T phải cưới chị là không đúng, vì chị không bắt anh T phải cưới, chị không lừa anh T là có thai với anh T. Nay anh T xin ly hôn chị nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Chị cũng thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/9/2017. Hiện nay cháu N và cháu T2 đang ở với anh T.

Ly hôn:

Quan điểm của chị T1: Sau khi tòa án hoà giải và giải thích quyền nghĩa vụ của các bên khi tham gia tố tụng; cháu T2 có nguyện vọng ở với chị nên chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi; còn cháu N có nguyện vọng ở với anh T nhưng chị vẫn xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về điều kiện nuôi con: Hiện nay tôi đang làm tự do: Làm n tóc giả và thi thoảng có lễ người ta gọi đi phục vụ tay hương, lên khăn áo cho các cô, các cậu hầu đồng ở các nơi, thu nhập mỗi tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng và ở nhờ trên đất của chị gái tại Thôn P, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Vì làm tự do nên chị không cung cấp được xác nhận thu nhập cho Tòa án.

- Về con riêng: Chị T1 xác nhận chị có 01 con riêng là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014 như anh T trình bày và như Kết quả giám định ADN số: 6012/VCJ/25/ADN ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Công ty phần nghệ y tế Vietcare là đúng, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với anh T.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của BLTTDS; tòa án thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình; việc xác minh thu thập chứng cứ đảm bảo đúng theo quy định pháp luật; tòa xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự đúng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện đúng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử đúng thời hạn theo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc ra Quyết định xét xử và tống đạt cho đương sự; gửi QĐXX và chuyển hồ sơ cho VKS đúng thời hạn; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; 55; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/9/2017. Giao cháu Nguyễn Khánh N,

sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/9/2017 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T1. Chị T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về con riêng: Chị T1 có 01 con riêng là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014. Không công nhận quan hệ cha con giữa anh T và cháu Đ, cháu Đ không phải là con chung của anh T và chị T1; chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác, công nợ, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện ly hôn với chị Nguyễn Thị T1 có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn V, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội ngày 28/11/2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T1 không quan tâm đến gia đình và các con; chị T1 đã có con với người khác trước khi cưới anh T; vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm nên chị T1 về nhà ngoại từ đầu năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã để cho hai vợ chồng có thời gian hòa giải; tuy nhiên tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi, anh T xin ly hôn chị T1, chị T1 đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết để cho hai vợ chồng được ly hôn. Xét tình cảm giữa anh T và chị T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc thuận tình ly hôn của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, cần được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn để giải phóng cho các bên là cần thiết.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/9/2017. Hiện nay cháu N và cháu T2 đang ở với anh T. Khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung; Tuy nhiên, hiện nay hai cháu đã trên 7 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con... nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét nguyện vọng của cháu N là muốn được ở với bố, cháu T2 muốn được ở với mẹ. Nhưng xét thấy, điều kiện nuôi con thì thấy, anh T có đất và nhà do bố mẹ chết để lại và có thu nhập cao hơn chị T1 đảm bảo được việc nuôi dưỡng cháu trưởng thành. Chị T1 không có nơi ở mà hiện nay đang ở nhờ nhà chị gái theo lời khai của chị T1, lương và thu nhập thấp, thường đi

hầu đồng tại các phủ nên thu nhập không ổn định. Mặt khác, hiện nay cả hai con chung vẫn đang ở với bố từ khai bố mẹ ly thân, các cháu phát triển tốt. Do vậy, xét nguyện vọng của anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật, cần giữ nguyên môi trường sống của các cháu và tránh sự thay đổi nên cần chấp nhận giao cả 02 con chung là cháu N và cháu T2 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Do anh T không yêu cầu chị T1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Sau khi ly hôn chị T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về con riêng: Cả hai bên đều thống nhất xác định chị T1 có 01 con riêng là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014 như Kết quả giám định ADN số: 6012/VCJ/25/ADN ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Công ty phần nghệ y tế Vietcare. Xét kết quả trên của Công ty P là hợp pháp; khi ly hôn anh T có nguyện vọng đề nghị Tòa án tuyên không công nhận quan hệ cha con đối với cháu Đ, cháu Đ không phải là con chung của anh và chị T1 mà là con riêng của chị T1. Chị T1 có quan điểm đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi vì cháu đã có nguyện vọng ở với chị; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với anh T. Nên cần xác định cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014 là con riêng của chị T1, anh T và cháu Đ không có quan hệ cha – con; cháu Đ không phải là con chung của anh T và chị T1; giáo cháu Đ cho chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Đề nghị chị T1 liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc cải chính giấy khai sinh của cháu Nguyễn Tiến Đ theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; 55, 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Minh và anh Nguyễn Văn H.

**Xử:**

**1. Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/9/2017. Giao cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 10/9/2017 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T1 cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**2**. **Về con riêng:** Chị T1 có 01 con riêng là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/9/2014. Không công nhận quan hệ cha con giữa anh T và cháu Đ, cháu Đ không phải là con chung của anh T và chị T1; chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Đề nghị chị T1 liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc cải chính giấy khai sinh của cháu Nguyễn Tiến Đ theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác, công nợ, công sức:** Không yêu cầu, không xem xét.

**4. Về án phí:** Anh T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0053816 ngày 18/02/2025 của Chi cục hành án dân sự huyện M, thành phố Hà Nội.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Định**

***Nơi nhận:***
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *VKSND huyện Mê Linh;*
- *Chi cục THADS huyện Mê Linh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tam Đồng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Định**